TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **18**/2019/HSST
Ngày 28/3/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP -TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Lài,
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Núi.
Bà Hoàng Thị Đào.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳ hợp, tỉnh Nghệ an.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Hào, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HSST ngày 01 tháng 2 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Đức A., tên gọi khác: T.
Sinh ngày 27 tháng 3 năm 1997 tại huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
Nơi cư trú: Xóm T. Th, xã T. H, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.
Con ông Lê Ngọc C. và bà Vi Thị L.
Vợ, con: Chưa.
Tiền sự, tiền án: Không.
Tạm giam: Từ ngày 10/12/2018 đến nay.
(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Đinh Viết T, sinh năm 1946.
Nơi cư trú: Xóm Qu. H, xã Ch. Qu, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
(Có mặt)

Người bị hại: Ông Mai Văn Th, sinh năm 1974.
Nơi cư trú: Xóm N. S, xã T. H, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
(Có mặt)

Người làm chứng: Anh Mai Văn H, sinh năm 2000.
Nơi cư trú: Xóm N. S, xã T. H, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 27/6/2018, Lê Đức A. đến quán internet Lam Bia thuộc xóm T. M, xã T. H, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An thì gặp anh Mai Văn H. đang chơi tại quán. Tại đây, Lê Đức A. mượn anh Mai Văn H. chiếc xe mô tô mà anh H. sử dụng đang để ở quán (xe có biển kiểm soát 37H1-037.92) nói là đi giải quyết việc riêng, một lát sau Lê Đức A. sẽ đưa về trả. Mượn được xe, Lê Đức A. điều khiển xe đi chơi tại xã M. H. và thị trấn Qu. H. Sáng ngày 28/6/2018, muốn cầm cố chiếc xe máy để lấy tiền tiêu xài, Lê Đức A. đi cùng một người tên L. đến nhà anh Cao Xuân Th, sinh năm 1972, trú tại xóm Qu. H, xã Ch. Qu, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An để hỏi cầm cố xe máy. Do anh Th. không có tiền nên giới thiệu Lê Đức A. đến nhà ông Đinh Viết T, sinh năm 1946, trú cùng xóm với anh Th. để cầm cố xe.

Tại nhà ông Đinh Viết T, Lê Đức A. nói dối ông T. chiếc xe máy là của mẹ mình, ông T. tin tưởng nên cho Lê Đức A. cầm cố xe với số tiền 10 triệu đồng. Lê Đức A. có viết giấy vay tiền ông Đinh Viết T, ghi số tiền vay là 10 triệu đồng, nhưng thực chất ông T. chỉ giao cho Lê Đức A. số tiền 9 triệu đồng. Có tiền, Lê Đức A. trốn khỏi nơi cư trú và dùng tiền đó tiêu xài cá nhân. Đến ngày 16/11/2018 Lê Đức A. mới trở về địa phương, ngày 10/12/2018 thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp bắt tạm giam để làm sõ sự việc.

Chiếc xe máy mà Lê Đức A. mượn anh Mai Văn H, sau đó đưa đi cầm cố là xe nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, số khung 2707BY23907, số máy F27E-1024794, BKS 37H1-037.92, xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Mai Văn Th. (bố của anh Mai Văn H.).

Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐG ngày 14/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, số khung 2707BY23907, số máy F27E-1024794, BKS 37H1-037.92, xe đã qua sử dụng (đăng ký năm 2011) có giá trị là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng chẵn).

Hiện chiếc xe đã được Cơ quan điều tra giao trả cho chủ sở hữu, nay chủ sở hữu là ông Mai Văn Th. không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Ông Đinh Viết T. – người đã cho Lê Đức A. cầm cố xe máy, nay yêu cầu Lê Đức A. phải trả lại cho ông Tổng số tiền đã vay là 9.000.000đ.

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS-HS ngày 20/2/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp - tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Lê Đức A. về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 175; điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Lê Đức A. từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tịch thu số tiền do bị cáo phạm tội mà có là 9.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Viết T. là buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông T. số tiền 9.000.000đ.

Nói lời sau cùng tại phiên toà, bị cáo Lê Đức A. nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập tại hồ sơ vụ án, xác định được:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 27/6/2018, Lê Đức A. đã có hành vi mượn của anh Mai Văn H. 01 chiếc xe máy BKS 37H1-037.92 và hẹn một lát sau sẽ trả. Đến hẹn, Lê Đức A. không trả mà ngày hôm sau Lê Đức A. đã đưa chiếc xe máy đó cầm cố cho ông Đinh Viết T. lấy số tiền 9.000.000đ rồi trốn khỏi địa phương.

Hành vi trên đây của Lê Đức A. đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm quy định tại điều 175 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi chiếm đoạt tài sản của Lê Đức A. thông qua hợp đồng "mượn" tài sản đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào giá trị chiếc xe máy mà Lê Đức A. chiếm đoạt, cần xem xét xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật Hình sự 2015.

Ông Đinh Viết T. đã cho Lê Đức A. cầm cố chiếc xe máy, song ông T. không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông T.

Đối tượng tên L. (người đi cùng bị cáo để cầm cố chiếc xe máy) do không rõ địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

Anh Cao Xuân Th. – người đã giới thiệu cho Lê Đức A. đến cầm cố xe máy tại ông Đinh Viết T, qua điều tra xác định anh Th. không biết được đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Th.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo; đã tự nguyện giao nộp một phần số tiền giao dịch cầm cố chiếc xe máy; tại phiên toà hôm nay người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần áp dụng các quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra thu hồi giao trả cho chủ sở hữu là ông Mai Văn Th. Nay ông Th. không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu của ông Đinh Viết T: Chiếc xe máy bị cáo cầm cố cho ông T. là xe do phạm tội mà có, nhưng do ông T. không biết nên vẫn thực hiện giao dịch. Do đó, xác định giao dịch giữa ông T. và bị cáo đối với chiếc xe máy trên là giao dịch vô hiệu. Hiện chiếc xe máy đó đã được Cơ quan điều tra thu hồi tại ông T. và giao trả cho chủ sở hữu, số tiền mà bị cáo nhận từ ông T. bị cáo chưa hoàn trả. Do đó, cần áp dụng quy định tại điều 117, 122, 131 Bộ luật Dân sự để xử lý: Buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông T. số tiền đã nhận là 9 triệu đồng. Trong đó, bị cáo đã tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra 4 triệu đồng, số tiền còn lại bị cáo phải hoàn trả đủ cho ông T.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức A. (tên gọi khác: T.) phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 175; điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt Lê Đức A. **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam (ngày 10 tháng 12 năm 2018).

2. Trách nhiệm dân sự:

+ Căn cứ điều 117, 122, 131 Bộ luật Dân sự: Buộc Lê Đức A. phải hoàn trả cho ông Đinh Viết T. số tiền là 9.000.000đ, khấu trừ số tiền bị cáo đã tự nguyện giao nộp là 4.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo phải thi hành là 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn).

(Số tiền bị cáo tự nguyện giao nộp hiện đang tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Quỳ Hợp theo tài khoản số **3949.0.9042237.00000** Công an huyện Quỳ Hợp).

3. Án phí: Áp dụng điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội:

Buộc Lê Đức A. phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là **200.000đ** và án phí Dân sự sơ thẩm là **300.000đ**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Công an huyện Quỳ Hợp;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Bích Lài